

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/DS-ST

Ngày: 31 - 8 - 2022.

“V/v tranh chấp hội”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Tự

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Đ, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TK, xã L, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: 1/ Trần Thị H, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

2/ Dương Minh T, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Vào năm 2020, 2021, bà Trần Thị H và ông Dương Minh T có mở nhiều dây hội cho các hộ dân tham gia. Nguyên đơn có tham gia 08 phần trong các dây hội ngày, tuần, tháng. Hội đến nay đã mãn, tổng số tiền mà nguyên đơn đã đóng là 50.190.000 đồng, đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền nào. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số nợ trên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Thị H và Dương Minh T vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số hui nên xác định tranh chấp của các đương sự là “Tranh chấp hui”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có địa chỉ tại ấp Phụng Sơn, xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Thị H và Dương Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hui còn nợ là 50.190.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo giải thích quyền và nghĩa vụ của đương sự, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Dương Minh T là bị đơn trong vụ án cũng là chồng của chị Trần Thị H nhận thay. Như vậy, bị đơn đã biết rõ việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng vẫn không có lời trình bày hay có văn bản nêu ý kiến về việc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh, cho nên có cơ sở xác định việc tham gia hợp đồng hui giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật và hợp pháp. Mặt khác, theo biên bản hòa giải ngày 24/11/2021 tại ấp Phụng Sơn, xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thì chị Trần Thị H thừa nhận có nợ và đồng ý trả số nợ 50.190.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.190.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, thì: *“2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.”* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Đ.

Buộc bị đơn Trần Thị H và Dương Minh T phải trả cho nguyên đơn Lê Thị Đ tổng số tiền là 50.190.000 đồng (Năm mươi triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trần Thị H và Dương Minh T phải nộp 2.509.500 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng). Nguyên đơn được nhận lại 1.225.000 đồng (Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007933 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tuấn Khanh